TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đặng Minh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên* đơn: Bà Ngô Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau

- *Bị* đơn: Ông Võ Đông T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Ngô Thị Ngọc H ***tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án***:

Hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2018 tại UBND xã M nay là xã U. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Ngô Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đông T.

Về con chung: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T có 01 người con chung tên Võ Ngọc Khánh Q, sinh ngày 15/8/2018 (giới tính nữ), hiện do bà H đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, bà tự nguyện để cho ông T có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Ngọc H xác định bà và ông Võ Đông T không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Ngô Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đông T. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Võ Đông T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Võ Đông T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Ngô Thị Ngọc H xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M nay là xã U. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà H xác định không còn tình cảm với ông T, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà H, cho thấy ông T không có thiện chí đoàn tụ với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T có 01 người con chung tên Võ Ngọc Khánh Q, sinh ngày 15/8/2018 (giới tính nữ), hiện do bà H đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung là nữ, từ trước đến nay sống chung sống ổn định và có nguyện vọng sống chung với với bà H nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc tiếp tục nuôi dạy con chung, bà H không đặt ra

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông T được quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Ngọc H xác định bà và ông Võ Đông T không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị Ngọc H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và *lệ phí Tòa án.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc H về việc ly hôn đối với ông Võ Đông T.

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông Võ Đông T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Khánh Q, sinh ngày 15/8/2018 (giới tính nữ) cho bà Ngô Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dạy, bà H không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Ngọc H xác định bà và ông Võ Đông T không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Ngọc H nộp 300.000 *đồng* (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 20 tháng 11 năm 2025, bà H *có dự nộp 300.000* đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004986 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Lan Anh